

# Đạo đức môi trường trong mối quan hệ giữa con người với môi trường tự nhiên qua một số luật tục ở Việt Nam

Nguyễn Thị Giang\*

Trưởng Đại học Sư phạm Hà Nội 2

Ngày nhận bài: 30/10/2019, ngày gửi phản biên: 02/12/2019, ngày duyệt đăng: 30/12/2019

**Đ**ạo đức môi trường được hiểu là cách ứng xử giữa con người với môi trường tự nhiên trong quá trình sống và tồn tại. Mối quan hệ này được quy định rõ ràng, được phổ biến trong cộng đồng các dân tộc ít người ở Việt Nam, được mọi người trong cộng đồng chấp hành và tuân theo. Những quy định này có nơi được viết thành văn bản, có nơi truyền miệng và được gọi là luật tục. Hiện nay, nghiên cứu luật tục là cần thiết để có thể kết hợp những điều tiến bộ trong đó với luật pháp, nhằm bảo vệ môi trường hiệu quả hơn.

**Từ khóa:** Đạo đức môi trường, luật tục, môi trường tự nhiên

## Mở đầu

Đạo đức môi trường biểu hiện mối quan hệ giữa con người với môi trường tự nhiên. Mối quan hệ này được nâng lên thành quy tắc, quy định, nguyên tắc ứng xử trong cuộc sống. Từ xa xưa, một số dân tộc thiểu số ở Việt Nam đã có ý thức bảo vệ môi trường sống bởi họ nhận thức được vai trò của tự nhiên đối với sự tồn tại và phát triển của cộng đồng. Những nhận thức này được quy định trong luật tục để mọi người thuộc cộng đồng đó đều phải tuân theo. Trong công cuộc bảo vệ môi trường hiện nay ở Việt Nam, những quy định được quy định trong luật tục đó đều có giá trị lý luận và thực tiễn quan trọng.

## 1. Khái niệm đạo đức môi trường, luật tục

### 1.1. Một số quan niệm về đạo đức môi trường

Mối quan hệ giữa con người với tự nhiên là vấn đề được rất nhiều nhà nghiên cứu quan tâm. Mối quan hệ này còn được gọi là đạo đức môi trường. Trong tư tưởng của các học giả, khái niệm về đạo đức môi trường mang tính khái quát như sau:

Theo Từ điển bách khoa toàn thư của Stanford về triết học, thì đạo đức môi trường được hiểu là “một trong những đối tượng của triết học nghiên cứu, đó là mối quan hệ đạo đức của con người với giá trị và chuẩn mực đạo đức của môi trường và các giá trị, chuẩn mực đạo đức không phải là con người” (Andrew Brennan, 2015). Đạo đức môi trường đã được đề cập đến nhiều trong lịch sử nhưng phải bắt đầu vào những năm 1970, nó mới thực sự trở thành một hệ thống triết lý, được hiểu là “liên quan đến

\*nguyengiangan2676@gmail.com

mối quan hệ đạo đức của con người với giới tự nhiên” (Alasdair Cochrane).

Ở Việt Nam, hai nhà nghiên cứu Trần Đăng Sinh và Nguyễn Thị Thọ cho rằng: “Đạo đức môi trường, do vậy, là một phương diện của đạo đức nói chung, là sự thể hiện và thực hiện đạo đức xã hội trong lĩnh vực mối quan hệ giữa con người với tự nhiên” (Trần Đăng Sinh, Nguyễn Thị Thọ, 2011, tr.156).

Theo Vũ Dũng: “Đạo đức môi trường là tổng hợp các quy tắc, nguyên tắc, chuẩn mực nhờ đó con người tự giác điều chỉnh hành vi của mình với môi trường sao cho phù hợp với lợi ích và hạnh phúc của con người, với sự tiến bộ xã hội và với sự phát triển môi trường một cách bền vững, thể hiện sự tôn trọng của con người đối với môi trường” (Vũ Dũng, 2011, tr.60).

Tác giả Hồ Sĩ Quý trong bài “Về đạo đức môi trường” cho rằng: “Đạo đức môi trường là những chuẩn mực tự nhiên, bình thường ngấm sâu trong hành vi và trong phong cách sinh hoạt, ứng xử của mỗi người và mỗi cộng đồng - Con người bảo vệ môi trường, tôn trọng giới tự nhiên và cẩn trọng trước hệ sinh thái một cách tự nhiên, không cần ai ra lệnh, không vì mục đích vụ lợi nào khác” (Hồ Sĩ Quý, 2005, tr.48).

Với tác giả Nguyễn Văn Phúc: “Đạo đức môi trường, do vậy, là một phương diện của đạo đức nói chung, là một hệ thống các chuẩn mực đạo đức điều chỉnh quan hệ giữa con người (xã hội) và tự nhiên vì sự phát triển bền vững” (Nguyễn Văn Phúc, 2013, tr.73). Dưới góc độ nghiên cứu của mình, tác giả cho rằng, cách ứng xử tôn trọng, bảo vệ môi trường tự nhiên là hành vi đạo đức xuất phát từ bên trong con người, nó phải trở thành chuẩn mực một cách tự nhiên, không vì một mục đích vụ lợi nào cả, con người xuất phát từ chính bản thân mình, cách ứng xử của mình mà đối xử với tự nhiên.

Từ các quan niệm trên, kế thừa ý tưởng của từng khái niệm với các cách hiểu ít nhiều khác nhau về đạo đức môi trường, tác giả bài viết xin đưa ra cách hiểu của mình về đạo đức môi trường với tinh thần chung là sự tổng hợp các nguyên tắc và chuẩn mực điều chỉnh hành vi của con người đối với môi trường. Theo đó, *đạo đức môi trường là tổng hợp những quy tắc, nguyên tắc, chuẩn mực mà con người cần phải thực hiện trong ứng xử và giải quyết mối quan hệ giữa con người với giới tự nhiên vì lợi ích của con người và sự phát triển bền vững của môi trường tự nhiên.*

## 1.2. Khái niệm luật tục

Mỗi một dân tộc sẽ gọi tên “luật tục” theo những cách khác nhau. Ở người Việt, đó là *Hương ước*, người Thái là *Hội không*, người Ê Đê là *Phat kdi*, người Mnông là *Phat Kuói*.

Ở thời kỳ chưa có luật pháp thì luật tục giữ vai trò là hình thức phát triển cao nhất của phong tục, luật lệ quy định cách ứng xử của con người trong xã hội, nên nó cũng mang những nét của một hình thái ý thức xã hội khi phản ánh tồn tại xã hội mà nó ra đời. Luật tục ảnh hưởng lớn tới việc điều chỉnh hành vi hay cách ứng xử của con người trong quan hệ giao tiếp hằng ngày và trong lao động sản xuất. Luật tục ra đời và tồn tại trong chế độ xã hội nhất định, là loại hình pháp lý có đầy đủ tính dân gian, tính địa phương và tính cộng đồng. Đây là một hình thức trung gian giữa phong tục, tập quán và pháp luật. Tuy nhiên, sự khác nhau là: trong khi luật tục chỉ được áp dụng trong phạm vi nhỏ - một tộc người, một nhóm người của nhiều buôn, bản làng thì pháp luật lại có hiệu lực đối với tất cả mọi người sống ở mọi vùng lãnh thổ trong phạm vi quốc gia, được quy định chặt chẽ cả về nội dung và hình thức. Luật tục, ở một góc độ nhất định cũng có vai trò, giá trị quan trọng tương tự như pháp luật là điều

chính các mối quan hệ trong cộng đồng, duy trì và đảm bảo trật tự chung. Luật tục có thể được truyền miệng như ở người Ê Đê, Mông hoặc được ghi chép bằng văn tự như Hương ước của người Việt, Hịt không của người Thái.

Ngô Đức Thịnh định nghĩa luật tục là: "một hình thức của tri thức bản địa, tri thức địa phương, được hình thành trong quá trình lịch sử lâu dài, qua kinh nghiệm ứng xử với môi trường và ứng xử xã hội, đã được định hình dưới nhiều dạng thức khác nhau, được truyền từ đời này sang đời khác qua trí nhớ, qua thực hành sản xuất và thực hành xã hội. Nó hướng đến việc hướng dẫn, điều chỉnh và điều hòa các quan hệ xã hội, quan hệ con người với môi trường thiên nhiên. Những chuẩn mực ấy của luật tục được cả cộng đồng thừa nhận và thực hiện, tạo nên sự thống nhất và cân bằng xã hội của mỗi cộng đồng" (Ngô Đức Thịnh, 2003).

Luật tục là những phương ngôn, ngôn ngữ diễn đạt bằng lời nói có vần điệu, chứa đựng các quy tắc xử sự, thể hiện, phản ánh quy chuẩn phong tục, tập quán, ý chí, nguyện vọng của cộng đồng, bảo đảm thực hiện trong cộng đồng dân tộc thiểu số và được cộng đồng bảo đảm thực hiện.

Nội dung của luật tục quy định về các hành vi, các bằng chứng, tội phạm, phán xét, hình phạt... nhưng đồng thời nó như những lời khuyên, lời răn dạy mang tính đạo đức trong việc hướng dẫn hành vi cá nhân, tạo dư luận xã hội để điều chỉnh các hành vi ấy.

Với mỗi dân tộc khác nhau, nội dung của luật tục đề cập đến các vấn đề khác nhau trong cuộc sống như phong tục, lễ nghi, quan hệ kinh tế... Trong khuôn khổ bài viết này chỉ đề cập đến vấn đề bảo vệ tài nguyên thiên nhiên cùng mối quan hệ giữa con người với tự nhiên dưới góc độ của đạo đức môi trường, với hai nội dung chính được đề cập phổ biến trong các luật tục. Đó là, nội dung về nhận thức của con người đối với môi trường tự nhiên trong sự tồn tại và phát triển của mình; và nội dung về việc điều chỉnh hành vi khai thác không hợp lý của con người đối với môi trường tự nhiên

## **2. Nội dung của luật tục trong việc quy định mối quan hệ giữa con người với môi trường tự nhiên**

### ***2.1. Nhận thức về vai trò của môi trường tự nhiên đối với sự tồn tại và phát triển của con người***

Luật tục như bộ bách khoa thư về mọi mặt của đời sống tộc người, chứa đựng những tri thức dân gian vô cùng phong phú, đúc rút từ kinh nghiệm sống của nhiều thế hệ. Đó là những tri thức về môi trường tự nhiên, tri thức về sản xuất nương rẫy, hái lượm, săn bắt, đánh cá, tri thức về xã hội và ứng xử giữa người với người, tri thức về đời sống văn hóa, nghi lễ, phong tục về quản lý và sử dụng nguồn tài nguyên thiên nhiên... Những tri thức này đã định hình và trở thành các nguyên tắc sống, lễ sống của con người trong cộng đồng. Qua nghiên cứu luật tục Ê Đê (236 điều với 8.000 câu), luật tục Mông (215 điều với 7.000 câu) phổ biến ở vùng Tây Nguyên và luật tục của một số tộc người khác, có thể thấy những nhận thức cơ bản của các cộng đồng về tự nhiên như sau:

#### ***Nhận thức được vai trò của rừng đối với cuộc sống con người***

Người Ê Đê nhận thức được rừng là mái nhà chung nên trong luật tục quy định không được chặt cây to ở đầu nguồn, phải bảo vệ cây rừng ở khu rừng non, nơi bến nước. Họ quan niệm bảo vệ cây rừng là bảo vệ môi trường sinh thái của cộng đồng: "Cây rừng đã có từ thời xưa của ông bà để lại. Bảo vệ cây rừng là bảo vệ muôn làng. Bảo vệ cây rừng là bảo vệ rẫy nương. Bảo vệ cây rừng là bảo vệ bến

nước. Bảo vệ cuộc sống của nhân dân” (Phạm Quang Tiến, Nguyễn Thị Hối, 2010, tr.53). Qua đó cho thấy, những người xây dựng luật tục Ê Đê đã nhận thức được khá sâu sắc vai trò và tầm quan trọng của cây rừng đối với đời sống con người, đối với môi trường sinh thái, do vậy rừng cần phải được bảo vệ chặt chẽ, những hành vi xâm hại đến rừng đều phải bị trừng phạt nghiêm khắc.

Người Thái cũng nói về rừng, rừng thiêng và trách nhiệm bảo vệ rừng của mỗi người một cách rất cụ thể và dễ hiểu. Cây có lòng (có nghĩa là cây cổ thụ), như người già có râu, rừng xanh bát ngát, là rừng đầu nguồn, rừng đầu mớ nước, rừng ngút ngàn tít tắp, rừng cúng tế, rừng kiêng, rừng linh thiêng... Luật tục Thái khẳng định: “*Tai pà phăng, nhăng pà liêng*”, nghĩa là “sống rừng nuôi, chết rừng chôn”. Bảo vệ rừng để cho hôm nay, cho ngày mai và cho muôn đời thế hệ mai sau. Rừng trong tâm thức, trong văn hóa truyền thống của người Thái được tôn thờ, được sùng kính như trái tim của cộng đồng, vô cùng thiêng liêng. Vài năm một lần, bản mường tổ chức cúng rừng. Rừng được bảo vệ từ trong ý thức của mỗi người, nhân văn và cao đẹp.

Đối với người M'ông, rừng giữ một vị trí vô cùng quan trọng. Trong luật tục thường răn dạy về vai trò của rừng và tác hại của việc cháy rừng: Rừng bị cháy mà không dập tắt, người đó sẽ không có rừng, người đó sẽ không có đất.

#### *Nhận thức về sự khai thác hợp lý các nguồn lợi thủy sản*

Người Mường ở Hòa Bình có luật tục về bảo vệ nguồn lợi thủy sản. Người Mường xưa có ba nguồn thực phẩm chính là súc vật nuôi trong nhà, nguồn thịt rừng và nguồn thủy sản dưới các sông suối. Trên các con sông, suối được chọn ngăn thành từng khúc, từng khoang. Chia khoang như thế để xác định chỗ nào được bắt cá và chỗ nào bị cấm đánh bắt. Ngoài những nơi bị cấm, dân Mường được tự do đánh cá về ăn. Những khúc, khoang sông bị cấm đánh bắt khi xưa thường hội đủ các yếu tố như sông sâu, dòng chảy vừa phải, có bãi cát ngầm thoải hay những hang, hốc đá ngầm... rất thuận lợi cho các loài cá sinh đẻ và trốn tránh kẻ thù. Có thể thấy, mục đích đặt ra những vùng cấm như thế là để có các điều kiện phát triển ổn định, sinh sôi, nảy nở.

*Nhận thức quá trình sinh trưởng của các loài động thực vật liên quan đến đời sống của cộng đồng và đưa ra cách khai thác lâu dài nhằm bảo đảm cho sự tồn tại, phát triển của cộng đồng*

Các loài động vật cần phải được bảo vệ. Người Ê Đê có quy định rất chặt chẽ để đảm bảo khai thác tự nhiên một cách hợp lý: “chim thú trong rừng ta phải bảo vệ. Thấy chim thú không nên đuổi bắt. Bắt con con không được bắt con mẹ. Bắt con cá không được bắt con mẹ. Bắt con thỏ không được bắt con mẹ...” (Phạm Quang Tiến, Nguyễn Thị Hối, 2010, tr.53). Luật tục cũng quy định bảo vệ các loài thú quý hiếm, không được săn quá nhiều thú, chi vừa đủ bữa ăn hằng ngày thì phải dừng lại. Đây cũng là sự tiến bộ trong luật tục để đảm bảo thế hệ sau còn có thể săn bắt, có thức ăn mà tồn tại.

Luật tục của người M'ông lại có những quy định, nguồn nước không chỉ dùng để sinh hoạt cho con người mà còn cung cấp cá, tôm, cua, ốc làm thức ăn cho buôn làng: “Bắt con ếch phải chừa con mẹ. Bắt con cá phải chừa con mẹ. Chặt cây tre phải chừa cây con. Đốt tổ ong phải chừa ong chúa” (Phạm Quang Tiến, Nguyễn Thị Hối, 2010, tr.57). Như vậy, tương tự luật tục Ê Đê, luật tục M'ông cũng rất coi trọng việc bảo vệ môi trường sinh thái, bảo vệ nguồn nước, gia súc...

Trên đây là một vài ví dụ về luật tục và tập quán liên quan đến bảo vệ môi trường của một số dân tộc ít người. Qua đó thể hiện vốn tri thức phong phú của đồng bào về việc bảo tồn, khai thác cân bằng,

hợp lý các nguồn lợi của thiên nhiên phục vụ hữu ích, thiết thực cho nhu cầu đời sống cộng đồng. Những quy định này mặc dù chỉ được truyền miệng nhưng đã trở thành “luật bất thành văn”, được cộng đồng tuân theo nghiêm ngặt. Những tri thức này cần được tìm hiểu và kế thừa trong quá trình xây dựng và thực hiện pháp luật ở nước ta nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của đất nước.

## **2.2. Điều chỉnh những hành vi khai thác không hợp lý đối với môi trường tự nhiên**

Trong mối quan hệ giữa con người với môi trường tự nhiên, luật tục của các dân tộc ít người ở Việt Nam đưa ra những quy định mang tính chất điều chỉnh hành vi con người, đồng thời cũng là cơ sở để trừng phạt khi vi phạm. Luật tục có những quy định rõ ràng về hình phạt khi vi phạm, như điều 80 luật tục Ê Đê: “Đàn ông thường đốt lửa bừa bãi, đàn bà thường đốt lửa bậy bạ, có những người đốt lửa mà làm như kẻ điên, kẻ dại. Cây le đang đâm chồi như thế mà họ chặt mất ngọn, cây lồ ô đang đâm chồi thế mà họ chặt mất đọt. Nếu người ta bắt được họ đem về cho người tù trưởng nhà giàu thì chôn họ tạt bị trở lại ngay, tay họ tạt bị xiềng lại ngay... Vì vậy có chuyện nghiêm trọng cần phải xét xử, họ phải tát nước cho hết phen. Đồng thời phải cúng xóa cho thần linh một lợn, một bầu gạo, một đê, một bầu cháo và một trâu hay một bò cho buôn làng” (Phạm Quang Tiến, Nguyễn Thị Hòai, 2010, tr.58). Đối với bảo vệ cây trồng và vật nuôi, người chăn nuôi phải bảo vệ cây trồng, nếu để vật nuôi làm hại cây trồng thì phải bồi thường theo mức: “Ăn một bụi lúa phải cúng gà/ Ăn một vật phải đền một gà/ Lúa không chết cũng phải đền” (Phạm Quang Tiến, Nguyễn Thị Hòai, 2010, tr.59).

Nền tảng xã hội quyết định sự hình thành luật tục là một kết cấu xã hội chưa có sự phân hóa thành giai cấp nhưng đã có sự phân biệt giàu nghèo và trên cơ sở đó đã hình thành các tầng lớp xã hội có địa vị, quyền lợi khác nhau, do đó làm nhen nhóm những mâu thuẫn, đối lập nhất định giữa họ. Toàn bộ thực tế xã hội đó đã được phản ánh trong luật tục thông qua một lối tư duy còn mang nặng tính cụ thể, trực quan, kinh nghiệm. Cũng chính trong những điều kiện đó mà luật tục - trong một thời gian rất dài - đã bao hàm và thay thế hầu như tất cả những tư tưởng xã hội, đạo đức, pháp quyền... trở thành một phạm trù ý thức truyền thống, đồng thời là một phương thức điều chỉnh chủ yếu tác động đến các yếu tố khác trong đời sống xã hội buôn làng.

Khác với người Ê Đê vì môi trường sống của người Mường có những đặc điểm riêng biệt, lối sống và phong tục tập quán riêng nên họ rất chú ý đến việc thu hái măng rừng. Luật tục về thu hái măng và các loại cây thuộc họ tre nứa ghi rõ: “Bắt đầu từ khi các loại măng tre, bương... mọc cho đến trước ngày 20 tháng 6 Âm lịch hàng năm, bắt luận là ai cũng không được bẻ măng trong rừng hay trong các gò bương, tre... trong vườn nhà do chính tay mình trồng. Ai vi phạm dù là con trẻ hay người lớn, nếu bị phát hiện thì gia đình người đó phải nộp phạt cho mường một con lợn (lợn nái đã đẻ). Luật tục này cũng được áp dụng trong cả các trường hợp nhà ai thả rông gia súc vào rừng đằm, đập, làm đổ gãy măng thì chủ gia súc phải nộp phạt cho mường một con lợn cái” (Phạm Quang Tiến, Nguyễn Thị Hòai, 2010, tr.61).

Luật tục ra đời từ rất lâu, trong điều kiện nền kinh tế - xã hội nông nghiệp lạc hậu (du canh, du cư, săn bắt, hái lượm...). Nó dùng để điều chỉnh các quan hệ xã hội trong từng cộng đồng tộc người nhỏ hẹp (buôn, làng, bản), do đó không thể tránh khỏi sự lạc hậu và đôi khi là sự xung đột với pháp luật của Nhà nước. Giá trị của luật tục cần được xem xét trong mối tương quan với vị trí, vai trò và giá trị của pháp luật.

Với tính chất là những hiện tượng thuộc thượng tầng kiến trúc, pháp luật và luật tục chỉ có thể tồn tại trên những cơ sở hạ tầng, những nền tảng kinh tế - xã hội phù hợp. Tách khỏi các cơ sở này, pháp luật cũng như luật tục mất khả năng tồn tại. Luật tục truyền thống của các dân tộc thiểu số ở nước ta được hình thành trên cơ sở những điều kiện kinh tế - xã hội nhất định. Những năm vừa qua, cùng với những chuyển biến trong cơ cấu kinh tế - xã hội ở các vùng dân tộc, luật tục đương nhiên cũng có những biến đổi cả về nội dung và hiệu lực. Đạo đức môi trường là một lĩnh vực đạo đức đặc thù, chính vì vậy nó cũng có một hệ thống chuẩn mực đặc thù phản ánh những yêu cầu của việc bảo vệ môi trường. Những chuẩn mực riêng của đạo đức môi trường không tách rời đạo đức xã hội nói chung, mà nó chỉ thể hiện ra các chuẩn mực đạo đức của mình trong lĩnh vực môi trường.

Một số quy định của luật tục đã tự tiêu vong, một số quy định khác bị biến đổi về nội dung hay bị giảm hiệu lực ở mức độ nhất định. Tuy nhiên, do trình độ phát triển kinh tế - xã hội ở các dân tộc thiểu số ít biến đổi và chậm phát triển như hiện nay, nên về cơ bản luật tục với những nội dung truyền thống của nó vẫn tồn tại.

## Kết luận

Luật tục là vốn tri thức quý báu của ông cha đã tích lũy và truyền lại để ngày nay chúng ta học hỏi và vận dụng. Được thể hiện trong nội dung luật tục, đó là tri thức về sự kết hợp giữa quản lý và tự quản, giữa giáo dục và trừng phạt, giữa ý thức cá nhân và dư luận xã hội, giữa các nguyên tắc của tập quán pháp - một hình thức của luật pháp sơ khai - với các quan niệm về tâm linh, tín ngưỡng để giải quyết vấn đề bảo vệ môi trường một cách bền vững. Khi nghiên cứu về cách ứng xử giữa con người với môi trường tự nhiên thông qua luật tục của một số dân tộc, chúng ta có thể thấy được ý nghĩa to lớn của nó trong việc bảo vệ môi trường ở Việt Nam hiện nay. Cụ thể:

*Thứ nhất*, qua nghiên cứu chúng ta thấy được *giá trị* của luật tục trong việc bảo vệ môi trường. Đó là sự nhận thức sâu sắc và mang tính thực tiễn, rút ra từ kinh nghiệm sinh tồn và sản xuất của những khu dân cư khác nhau ở Việt Nam. Với những kinh nghiệm đã có từ trước, chúng ta có thể vận dụng những điều luật đến bây giờ vẫn có giá trị vào việc bảo vệ môi trường hiện nay ở Việt Nam.

*Thứ hai*, nghiên cứu luật tục bảo vệ môi trường, ta thấy được mối quan hệ giữa con người với tự nhiên trong cuộc sống, thấy được đạo đức không chỉ thể hiện ở mối quan hệ giữa con người với con người trong xã hội mà còn trong cách đối xử của con người với thiên nhiên nơi mình sinh sống.

*Thứ ba*, trên cơ sở những nghiên cứu về luật tục trong bảo vệ môi trường, có thể đưa ra phương án thích hợp có sự kết hợp giữa luật pháp và những nội dung tiến bộ của luật tục ở từng nơi. Vì nhiều lý do khác nhau, không phải bất cứ quy định nào của pháp luật cũng đều được thực hiện một cách nghiêm túc và đạt hiệu quả cao. Cùng với luật định, trong một số trường hợp, luật tục có vai trò hết sức quan trọng trong việc bổ sung, hỗ trợ cho pháp luật trên thực tế. Vận dụng hương ước, luật tục trong vấn đề bảo vệ môi trường là cần thiết, trên cơ sở có chọn lọc và cách thức sử dụng phù hợp. Bởi vì, xét trên một góc độ nào đó, nó có tác dụng hỗ trợ, bổ sung cho luật pháp, góp phần điều chỉnh các quan hệ xã hội.

## Tài liệu tham khảo

1. Andrew Brennan (2015), "Environmental Ethics", *Stanford Encyclopedia of Philosophy*, <https://plato.stanford.edu/entries/ethics-environmental/> (156), ngày truy cập 06/03/2019.
2. Cochrane (ISSN 2161-0002), "Environmental Ethics", *Internet Encyclopedia of Philosophy IEP*, <http://www.iep.utm.edu/envi-eth/>, ngày truy cập 06/03/2019.
3. Vũ Dũng (2011), *Đạo đức môi trường ở nước ta lý luận và thực tiễn*, Nxb. Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
4. Nguyễn Văn Phúc (2013), *Giáo trình Đạo đức môi trường*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
5. Hồ Sĩ Quý (2005), "Về đạo đức môi trường", *Tạp chí Triết học* (9), tr.45-48.
6. Hoàng Văn Quỳnh (2015), "Luật tục bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và môi trường ở Việt Nam (Qua luật tục của một số dân tộc thiểu số ở Tây Bắc và Tây Nguyên)", *Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội, Khoa học Xã hội và Nhân văn* (3), tr.71-79.
7. Trần Đăng Sinh, Nguyễn Thị Thọ (Đồng chủ biên) (2011), *Giáo trình Đạo đức học*, Nxb. Đại học Sư phạm, Hà Nội.
8. Ngô Đức Thịnh (2003), *Các giá trị của luật tục ở Tây Nguyên*, <http://www.docluat.vn/tin-hay/nghien-cuu-phap-luat/luat-tuc-la-gi>, ngày truy cập 10/03/2019.
9. Ngô Đức Thịnh (2010), *Luật tục trong đời sống các tộc người ở Việt Nam*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội.
10. Phạm Quang Tiến, Nguyễn Thị Hồi (2010), "Tập quán và luật tục bảo vệ môi trường của một số dân tộc ít người ở Việt Nam", *Tạp chí Luật học* (6), tr.53-62.